

Số: 10 /2024/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 - 2030; Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai

đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 - 2025, gồm:

a) Cán bộ, công chức cấp xã; người lao động là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nghỉ công tác trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2023 - 2025 có hiệu lực thi hành (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội);

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật hoặc được điều động, luân chuyển đến các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 (ngày 26 tháng 4 năm 2024);

b) Cán bộ cấp xã đang nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

Ngoài các chế độ, chính sách được hưởng theo các quy định của Trung ương, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này khi nghỉ công tác được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh cụ thể như sau:

1. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người lao động

a) Trường hợp nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng: Cứ mỗi tháng nghỉ công tác trước được hỗ trợ $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương hiện hưởng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người;

b) Trường hợp nghỉ công tác sau 12 tháng: Cứ mỗi tháng nghỉ công tác trước được hỗ trợ $\frac{1}{4}$ tháng tiền lương hiện hưởng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 75 triệu đồng/người;

c) Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ công tác bao gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương (không bao gồm: Phụ cấp công vụ, phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp kiêm nhiệm).

2. Chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách

Cứ mỗi tháng nghỉ công tác trước được hỗ trợ bằng $\frac{1}{2}$ mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm). Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/người.

3. Thời gian để tính hỗ trợ tối đa cho các đối tượng tại khoản 1, 2 Điều này là 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành; trường hợp có thời điểm nghỉ hưu trước thời gian 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì thời gian để tính hỗ trợ được tính từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực đến thời điểm nghỉ hưu.

4. Thu hồi kinh phí đã hỗ trợ

Trong thời gian 60 tháng kể từ thời điểm nghỉ công tác, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng làm cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh Vĩnh Phúc thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, đơn vị đã chi trả trước khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê chuẩn, tuyển dụng.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh cân đối, bố trí theo phân cấp ngân sách hiện hành.

6. Thời gian thực hiện: Nghị quyết được thực hiện trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (01), Q (100b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hải